TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 4
PHIẾU SỐ 49

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số bé nhất trong các số 876 061, 676 081, 876 161, 676 071 là:

A. 676 081 **B.** 876 161 **C.** 676 071 **D.** 876 061

Câu 2. Có bao nhiêu số chẵn từ 86 123 đến 86 140?

A. 9 **B.** 10 **C.** 17 **D.** 8

Câu 3. Với m = 8222, n = 4727, p = 1049 thì giá trị biểu thức m − n + p là:

A. 2446 **B.** 3544 **C.** 4544 **D.** 11 900

Câu 4. Tính bằng cách thuận tiện: 9737 + 4110 + 890 = …….

A. 15 737 **B.** 14 737 **C.** 14 637 **D.** 14 747

Câu 5. 5 tạ 7 yến = ……. kg

A. 507 **B.** 570 **C.** 57 **D.** 5070

Câu 6. Góc có số đo 90° là:

A. góc vuông **B.** góc nhọn **C.** góc bẹt **D.** góc tù

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho dãy số: 3, 7, 11, 15, ……, 127. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có ……. số

b) Số thứ 10 của dãy là: …….

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 4 với a = 8419, b = 400: …….

b) m − n + p với m = 32 307, n = 10 426, p = 6852: …….

c) (x + 3357) × 2 với x = 500: …….

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 1086 + 645 + 355 = …….

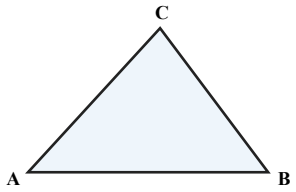
b) 5002 + 8934 − 2 = …….

c) 369 + 3742 + 31 = …….

Bài 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Góc bẹt bằng hai góc vuông	
b) Góc tù lớn hơn góc vuông	
c) Hình bình hành có bốn cạnh bằng nhau	
d) 1 m^2 = 100 dm^2	

Bài 5. Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: …….

b) Số góc nhọn: …….

c) Số góc tù: …….

Bài 6. Một trường tiểu học có 766 học sinh, số học sinh nữ ít hơn số học sinh nam 118 em. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

a) Học sinh nam: ……. em

b) Học sinh nữ: ……. em

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 4 · Phiếu số 49

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	A	C	B	B	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) $(127 - 3) : 4 + 1 = 32$ (số)

b) $3 + (10 - 1) \times 4 = 39$

Bài 2.

a) $8419 + 400 \times 4 = 8419 + 1600 = 10\,019$

b) $32\,307 - 10\,426 + 6852 = 21\,881 + 6852 = 28\,733$

c) $(500 + 3357) \times 2 = 3857 \times 2 = 7714$

Bài 3.

a) $1086 + (645 + 355) = 1086 + 1\,000 = 2086$

b) $(5002 - 2) + 8934 = 5000 + 8934 = 13\,934$

c) $(369 + 31) + 3742 = 400 + 3742 = 4142$

Bài 4.

a) Đ; b) Đ; c) S; d) Đ

Bài 5.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của tam giác ABC: 0 góc vuông, 3 góc nhọn, 0 góc tù.

Bài 6.

Học sinh nữ: $(766 - 118) : 2 = 324$ (em)

Học sinh nam: $324 + 118 = 442$ (em)